

Bản án số: 141/2022/HS-PT
Ngày: 15-4-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Công Thi**

Các Thẩm phán:

Ông **Nguyễn Văn Tào**

Ông **Nguyễn Cường**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Tuyết Trinh** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đoàn Minh Lộc** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 588/2021/TLPT-HS ngày 30 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo **Huỳnh Văn T** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 89/2021/HS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Bị cáo có kháng cáo: **Huỳnh Văn T**; Tên gọi khác: T Mập; Sinh ngày: 21/3/1992 tại Đà Nẵng. Nơi cư trú: thành phố Đà Nẵng. Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 08/12. Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Con ông Huỳnh Văn H (s) và bà Nguyễn Thị X (s). Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con út. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 26/4/2008, bị TAND quận S xử phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 43 tháng về tội “Cướp tài sản” –Khoản 2 Điều 133 BLHS năm 1999. (Bản án số: 17/HSST)

- Ngày 30/11/2009, bị TAND quận S xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” – Khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 17/HSST ngày 26/4/2008 buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 2 bản án: 33 tháng 15 ngày tù (Bản án số 64/2009/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 5/8/2012 –(Bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi).

Bị cáo bị bắt vào ngày 20/4/2021. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Văn T:* Ông Bùi Xuân N, sinh năm 1980, Luật sư Công ty Luật TNHH MTV A – thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được xác định như sau:

Vào lúc 20 giờ 15 phút ngày 20/4/2021, tại đường N, thành phố Đà Nẵng, Đồn Biên phòng S phối hợp với Phòng Phòng chống ma túy và tội phạm- Bộ đội Biên phòng thành phố Đà Nẵng phát hiện bắt quả tang Huỳnh Văn T đang có hành vi cất giấu ma túy.

Tang vật tạm giữ:

- 02 gói nylon KT (4x8)cm bên trong mỗi gói chứa 50 viên nén màu cam hình trái tim. (Ký hiệu T1a).

- 01 gói nylon KT (4x8) cm bên trong chứa tinh thể rắn màu trắng (Ký hiệu T1b).

- 01 điện thoại di động Samsung màu xanh đen, số Imel1: 351662610581169, Imel2: 352465210581160 sim số: 0905384048, 0708355552.

- 01 xe mô tô Exciter màu xanh trắng đen BKS: 43F1-077.91.

- Số tiền: 130.000 đồng.

Vào lúc 02 giờ 45 phút ngày 21/4/2021, tại phòng số 02, tầng 2, số nhà 443, đường T, thành phố Đà Nẵng. Đồn Biên phòng S - Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố Đà Nẵng tiến hành khám xét địa điểm Huỳnh Văn T cất giấu tang vật.

Thu giữ: 01 gói nilong màu trắng KT (04x07) cm bên trong chứa 12 viên nén màu cam, hình trái tim. (Ký hiệu T2).

Qua điều tra xác định được:

Trong khoảng thời gian từ 16/4/2021 đến ngày 20/4/2021, Huỳnh Văn T đã 2 lần mua ma túy của đối tượng B (chưa rõ nhân thân lai lịch) về bán lại kiếm lời. Cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 16/4/2021, T liên hệ với đối tượng tên B hỏi mua 20 viên thuốc lắc. Hai bên thỏa thuận giá 5.000.000 đồng và hẹn đến chân cầu T để thực hiện việc mua bán. T điều khiển xe mô tô BKS: 43F1-077.91 đến gặp B đưa tiền và lấy ma túy mang về cất giấu tại Phòng số 02, tầng 2, số nhà 443, đường T, thành phố Đà Nẵng. Đến ngày 17/4/2021, khi T đang ở nhà (quận S, thành phố Đà Nẵng), đối tượng tên T (Chưa rõ nhân thân, lai lịch) liên hệ với T hỏi mua 7 viên thuốc lắc. Hai bên thỏa thuận giá 300.000 đồng/viên và hẹn đến quán bar

TV để giao. T điều khiển xe mô tô BKS: 43F1-077.91 đến phòng số 02, tầng 2, số nhà 443, đường T, thành phố Đà Nẵng lấy 20 viên thuốc lắc mang đến quán bar TV gặp T. T và T đi vào nhà vệ sinh của quán Bar TV, tải giao cho T 7 viên ma túy thuốc lắc, T rủ T ở lại ngồi nghe nhạc cùng T, T đồng ý. T dẫn T đến ngồi với 06 người bạn của T (không rõ nhân thân, lai lịch). Một lúc sau, T thấy T đưa ma túy cho bạn sử dụng, T cũng lấy từ trong túi quần ra 01 viên ma túy thuốc lắc để sử dụng. Sử dụng xong, T và những người bạn của T đưa cho T số tiền 2.100.000 đồng. T lấy số tiền 1.000.000 đồng còn số tiền 1.100.000 đồng đưa cho T và những người bạn của T để góp trả tiền ăn tại quán bar. 12 viên ma túy thuốc lắc còn lại T mang về cất giấu tại số nhà 443 T, thành phố Đà Nẵng đã bị Đoàn Biên phòng S - Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố Đà Nẵng thu giữ khi tiến hành khám xét.

Lần 2: Vào ngày 20/4/2021, T liên hệ với đối tượng tên B hỏi mua 100 viên ma túy thuốc lắc và 10 gam Ketamin. Hai bên thỏa thuận giá 29.000.000 đồng và hẹn đến chân cầu T để thực hiện việc mua bán. T điều khiển xe mô tô BKS: 43F1-077.91 đến gặp B đưa tiền và lấy ma túy cất giấu trong túi quần. Khi T mang ma túy đi đến đường N, thành phố Đà Nẵng thì bị Đoàn Biên phòng S – Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố Đà Nẵng bắt quả tang.

Tại kết luận giám định số: 115/GĐ-MT ngày 26/4/2021 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng kết luận:

- Các viên nén hình trái tim, màu cam trong mẫu ký hiệu T1a, T2 gửi giám định là ma túy, loại MDMA, khối lượng các viên nén mẫu T1a: 34,810 gam; T2: 4,216 gam.

- Tinh thể rắn màu trắng trong mẫu ký hiệu T1b gửi giám định là ma túy, loại Ketamin; khối lượng tinh thể mẫu T1b: 9,757 gam.

Từ những nội dung đã được xác định nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 89/2021/HS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

*Tuyên bố: Bị cáo **Huỳnh Văn T** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.*

1. Căn cứ điểm h khoản 3, 5 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

***Xử phạt:** Bị cáo **Huỳnh Văn T 17 (mười bảy) năm tù** về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 20/4/2021*

*Phạt bổ sung bị cáo Huỳnh Văn T số tiền **20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.***

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/11/2021 bị cáo Huỳnh Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì bị cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 17 năm tù là quá nặng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo giữ nguyên kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, mức độ phạm tội của các bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị cáo Huỳnh Văn T giữ nguyên phần quyết định về hình phạt của Bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về nội dung tính chất hành vi phạm tội: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã khai nhận về hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã xác định, trong khoảng thời gian ngắn từ ngày 16/4/2021 đến 20/4/2021 (05 ngày) bị cáo đã 02 lần mua bán ma túy, lần thứ nhất ngày 16/4/2021 bị cáo mua 20 viên ma túy thuốc lắc với giá 5.000.000 đồng để bán lại cho 07 người lấy số tiền 2.100.000 đồng, số ma túy còn lại gồm 4,216 gam ma túy loại MDMA bị cáo cất giấu tại nhà 443 T thì bị khám xét thu giữ.

Lần 2 ngày 20/4/2021 bị cáo mua 34,810 gam ma túy loại MDMA và 9,757 gam ma túy Ketamin với giá 29.000.000 đồng, trên đường đi thì T bị bắt cùng tang vật ma túy.

Tại Bản kết luận giám định số 115/GĐ-MT ngày 26/4/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng đã kết luận trong 02 gói ký hiệu T1a trọng lượng 34,810 gam và T2 có trọng lượng 4,216 gam là ma túy MDMA. Trong gói có ký hiệu T1b gói giám định có trọng lượng 9,757 gam tinh thể rắn là ma túy loại Ketamin.

Như vậy, tổng trọng lượng ma túy Huỳnh Văn T đã mua bán bị bắt giữ là 48,783 gam và 7 viên đã bán cho người khác (tương ứng 2,270 gam).

Với tính chất hành vi và số lượng, trọng lượng ma túy như trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T 17 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” là có căn cứ pháp luật.

[2]. Xem xét đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Tính chất hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, bị cáo đã nhiều lần mua bán ma túy, mua bán nhiều chất, có số lượng ma túy tương đối lớn, về nhân thân của bị cáo rất xấu đã 02 lần bị Tòa án xét xử về tội “*Cướp tài sản*” và “*Trộm cắp tài sản*” nhưng cũng chưa giáo dục, răn đe được bị cáo. Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét áp dụng đầy đủ, mức án 17 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo là tương xứng, phù hợp, đúng với tính chất

hành vi phạm tội, tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết gì mới, do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định về hình phạt tại Bản án sơ thẩm.

Do không chấp nhận kháng cáo nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định của Bản án sơ thẩm về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Huỳnh Văn T. Giữ nguyên quyết định về hình phạt tại Bản án sơ thẩm số 89/2021/HSST ngày 24/11/2021 của Tòa án nhân thành phố Đà Nẵng.

Áp dụng điểm h khoản 3, 5 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Huỳnh Văn T 17 (mười bảy) năm tù** về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 20/4/2021.

Về án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 2, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTV/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Huỳnh Văn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao – Vụ GDKT I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV-CA thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS-CA thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo (TTG tổng đạt cho bị cáo);
- Lưu: HSVA; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Thi